

Số: 88/2018/QĐST-HNGĐ

TP.Cao Lãnh, ngày 04 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NH THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **30/2018/TLST-HNGĐ** ngày **26 tháng 01 năm 2018**, giữa:

Nguyên đơn: Dương Thị Thanh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số nhà 249, tổ 19, ấp 1, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đ .

Bị đơn: Hồ Văn H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 138, tổ 39, khóm 4, phường M, thành phố C, tỉnh Đ .

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, khoản 1 Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nh sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nh sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nh sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nh sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Thanh T và anh Hồ Văn H.
2. Công nh sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Thanh T và anh Hồ Văn H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Hồ Dương K, sinh ngày 20/01/2015, hiện nay đang sống chung với chị T.

Chị Dương Thị Thanh T được tiếp tục nuôi con chung tên Hồ Dương K, sinh ngày 20/01/2015.

Anh H đồng ý chị T được tiếp tục nuôi con chung.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cấm.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung như sau:

- 01 xe mô tô, biển số 66P1-780.27, loại xe Exciter, nhãn hiệu Yamaha, số máy G3D4E394833, số khung 0610GY376521, dung tích 150cc, màu sơn Trắng đỏ đen, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2016 do anh Hồ Văn H đứng tên quyền sở hữu, số giấy 054876. Anh Hồ Văn H đang quản lý, trị giá xe là 35.000.000 đồng.

- 01 đôi bông cưới trọng lượng 01 chỉ vàng 24kr, vàng nữ trang, trị giá 3.500.000 đồng, chị T đang quản lý.

Chị T, anh H thống nhất chia đôi tài sản chung như sau.

Chị Dương Thị Thanh T được sở hữu xe mô tô biển số 66P1 – 780.27, loại xe Exciter, nhãn hiệu Yamaha, số máy G3D4E394833, số khung 0610GY376521, dung tích 150cc, màu sơn Trắng đỏ đen, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2016 do anh Hồ Văn H đứng tên quyền sở hữu, số giấy 054876 (anh H đang quản lý) và 01 chỉ vàng 24 kr, vàng nữ trang (chị T đang quản lý).

Chị Dương Thị Thanh T đồng ý giao cho anh Hồ Văn H được sở hữu ½ giá trị xe số tiền là 17.500.000 đồng và giá trị 05 phân vàng 24kr, vàng nữ trang, số tiền là 1.750.000 đồng.

Anh Hồ Văn H được sở hữu ½ giá trị xe số tiền là 17.500.000 đồng và giá trị 05 phân vàng 24kr, vàng nữ trang, số tiền là 1.750.000 đồng.

Anh Hồ Văn H đồng ý giao xe cho chị Dương Thị Thanh T được sở hữu xe mô tô biển số 66P1 – 780.27, loại xe Exciter, nhãn hiệu Yamaha, số máy G3D4E394833, số khung 0610GY376521, dung tích 150cc, màu sơn Trắng đỏ đen, đăng ký lần đầu ngày 26/12/2016 do anh Hồ Văn H đứng tên quyền sở hữu,

số giấy 054876.

Đối với tiền hụi và vàng, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí:

Chị Dương Thị Thanh T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 481.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo các biên lai thu số 04836 và 004837 cùng ngày 25/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị T được nh lại số tiền chênh lệch là 213.000 đồng.

Anh Hồ Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh H tự nguyện chịu 481.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.